

GIA ĐÌNH ĐA VĂN HÓA TRONG CỘNG ĐỒNG NGƯỜI HOA Ở NAM BỘ HIỆN NAY

PHAN VĂN DÓP*

Dân cư ở Nam Bộ hiện nay gồm nhiều thành phần tộc người, chủ yếu là người Kinh, người Khmer, người Hoa, người Chăm và các tộc người thiểu số tại chỗ ở Đông Nam Bộ (Chơ Ro, Mạ, Stiêng và Mnông). Những tộc người này tụ cư thành những đơn vị cư trú tương đối tập trung theo tộc người. Quá trình cộng cư đã diễn ra nhiều hoạt động giao lưu văn hóa, đồng thời cũng diễn ra hôn nhân ngoại tộc, tạo nên nhiều gia đình đa văn hóa. Bài viết phân tích đặc điểm hộ gia đình đa văn hóa trong cộng đồng người Hoa dựa trên kết quả khảo sát của đề tài “Quan hệ hôn nhân, gia đình và thân tộc của các cộng đồng cư dân đa tộc người ở Nam Bộ”.

Từ khóa: gia đình đa văn hóa, hôn nhân ngoại tộc, người Hoa

Nhận bài ngày: 21/9/2020; *đưa vào biên tập:* 23/9/2020; *phản biện:* 29/9/2020; *duyet dang:* 24/10/2020

1. DẪN NHẬP

Theo dòng thời gian cùng với sự biến động của lịch sử Trung Quốc, số lượng người Hoa đến Việt Nam ngày càng tăng dần⁽¹⁾. Khoảng thế kỷ XVI, thuyền buôn người Hoa đã hiện diện và kiều ngụ tại Hội An, lập nên làng Minh Hương (Minh Hương xã).

Việt Nam thời chúa Nguyễn và triều Nguyễn đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho người Hoa: “[...] di dân Trung Hoa được đặt dưới luật lệ Việt Nam, nhưng được hưởng nhân quyền đồng đều với dân Việt”... (Nguyễn Thế Anh, 1971: 40); người Hoa được phép “kết hôn với phụ nữ bản xứ” (Thích Đại Sán, 1963: 154), được đăng ký dân tịch ở Hộ bộ⁽²⁾ và về sau còn được

thành lập các tổ chức xã hội của mình gọi là “bang”. Nhiều nhân vật có công với chúa Nguyễn và triều Nguyễn còn được vinh danh trong *Đại Nam liệt truyện*.

Dưới thời thuộc địa, người Hoa nói chung, kể cả Hoa kiều cũng hưởng được khá nhiều lợi thế về mặt kinh tế, họ thành lập các tổ chức xã hội của mình, mở trường học, bệnh viện,... (Tân Việt Điều, 1961: 1211-1215). Trong bối cảnh đó, nhiều người Hoa đã kết hôn với người bản xứ ở Nam Bộ, và hội nhập mạnh mẽ, sâu sắc vào xã hội Việt Nam.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi gọi những gia đình người Hoa có hôn nhân ngoại tộc là “gia đình đa văn hóa”. Tên gọi này xuất phát từ thực tế là trong những gia đình này các yếu tố

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

văn hóa tộc người (ngôn ngữ, trang phục, phong tục tập quán...) cùng tồn tại một cách tự nhiên, trong đó có sự chi phối của văn hóa Việt và văn hóa Khmer với tư cách là văn hóa của cư dân địa phương.

2. HÔN NHÂN NGOẠI TỘC TRONG NGƯỜI HOA Ở NAM BỘ HIỆN NAY

Ngày nay, ở Nam Bộ việc kết hôn với người khác tộc người đã trở nên phổ biến. Hôn nhân giữa người Hoa với người Kinh và với người Khmer phổ biến hơn so với người Chăm và các tộc người khác. Số liệu qua bốn cuộc khảo sát khác nhau mà chúng tôi có dịp tham gia, minh chứng cho điều này.

- Khảo sát 600 hộ người Hoa tại tỉnh Đồng Nai năm 2006, trong đó, 464 chủ hộ có đủ vợ và chồng, chủ hộ là người Hoa thì 91 trường hợp vợ/chồng là người khác dân tộc, với 82 trường hợp có vợ hoặc chồng là người Kinh, 9 trường hợp có vợ/chồng là các dân tộc khác (Bùi Ngọc Thanh, 2006).

- Khảo sát 450 hộ các tộc người thiểu số ở TPHCM năm 2007, trong đó có 300 hộ người Hoa. Trong những hộ này có 294 chủ hộ là người Hoa và 6 chủ hộ là người Kinh nhưng chỉ có 180 chủ hộ là có đủ vợ chồng⁽³⁾ với 31 trường hợp có hôn nhân Hoa - Việt hoặc Việt - Hoa (chiếm 17,22% số chủ hộ có đủ vợ chồng) (Võ Công Nguyễn, 2006).

- Khảo sát 300 hộ cư dân tháng 8/2013 tại huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, có 50 hộ người Hoa (có 1 hộ, chủ hộ là người Kinh và vợ là người Hoa) cư trú tại thị trấn Núi Sập. Trong

các hộ người Hoa có 34 chủ hộ là người Hoa (30 nam và 4 nữ) có đủ vợ chồng thì có đến 25 hộ có hôn nhân Hoa - Việt, chiếm 73,53% số hộ có chủ hộ là người Hoa có đủ vợ/chồng (Võ Văn Sen, 2013).

- Khảo sát 1.000 hộ cư dân (tháng 8/2016), trong đó có 200 hộ người Hoa (tại Trà Vinh, thành phố Cần Thơ, Kiên Giang và Sóc Trăng, mỗi nơi 50 hộ); trong đó 146 hộ chủ hộ là người Hoa có đủ vợ/chồng và có 38 chủ hộ kết hôn khác tộc người (chiếm 26,03% số chủ hộ có vợ/chồng). Trong đó 32 người (21,92%) kết hôn với người Kinh và 6 người (4,11%) kết hôn với người Khmer (Võ Công Nguyễn, 2016).

Thông tin và số liệu sử dụng trong bài viết từ kết quả khảo sát 695 hộ (tháng 6 - 7/2019) của đề tài *Quan hệ hôn nhân, gia đình và thân tộc của các cộng đồng cư dân đa tộc người ở Nam Bộ* (Võ Công Nguyễn, 2019). Mẫu được chọn là các hộ có hôn nhân khác tộc người. Trong đó, có 140 hộ người Hoa có hôn nhân khác tộc người, gồm 70 hộ ở phường Vĩnh Trạch Đông (thành phố Bạc Liêu) và 70 hộ ở phường Bửu Long (thành phố Biên Hòa) (Võ Công Nguyễn, 2019).

Trong 140 người Hoa có hôn nhân khác tộc người, khi được hỏi "Có đồng ý để con cháu/người thân được kết hôn với người khác dân tộc không?" thì số người trả lời đồng ý - cho con cháu là nữ chiếm 89,29% và đồng ý - cho con cháu là nam chiếm 90%. Như vậy có thể thấy, hôn nhân

Bảng 1. Ông/bà có quen biết với vợ/chồng trước khi cưới không?

		Nam	Nữ	Tổng cộng
Yêu rồi mới tiến đến hôn nhân	Số người	30	35	65
	%	47,62	45,45	46,43
Được tự do tìm hiểu rồi mới quyết định việc hôn nhân	Số người	24	34	58
	%	38,09	44,16	41,43
Lấy nhau rồi (do mai mối/ông bà/cha mẹ quyết định) mới có tình yêu	Số người	9	7	16
	%	14,29	0,09	11,43
Ý khác	Số người	0	1	1
	%	0,00	1,30	0,71
Tổng cộng	Số người	63	77	140
	%	100	100	100

Nguồn: Võ Công Nguyễn, 2019.

khác tộc người đối với người Hoa đã trở nên bình thường - "không đáng phải suy nghĩ. Điều đáng lưu ý là có đến 46,43% cho biết "đã yêu nhau rồi mới kết hôn", 41,43% "được tự do tìm hiểu rồi mới quyết định việc hôn nhân". Có 75,54% trường hợp (49 nam và 56 nữ) cho biết "bản thân họ tự quyết định việc hôn nhân và được cha mẹ đồng ý". Điều này cho thấy hôn nhân khác tộc người trong cộng đồng người Hoa chủ yếu xuất phát từ tình cảm và sự hiểu biết lẫn nhau.

3. TỘC DANH CỦA CON CÁI TRONG HÔN NHÂN NGOẠI TỘC Ở CỘNG ĐỒNG NGƯỜI HOA

3.1. Tên gọi của người Hoa ở Nam Bộ

Quá trình nhập cư và hội nhập vào xã hội Việt Nam, đặc biệt ở Nam Bộ, người Hoa được gọi với những tên khác nhau: người Hán, hay gọi theo triều đại của Trung Quốc - người (nhà) Minh, người (nhà) Thanh, người Minh Hương. Tên gọi "Minh Hương"

có lẽ gắn với sự kiện các nhà buôn người Hoa lập ra Minh Hương xã ở Hội An vào thế kỷ XVII. *Đại Nam quốc âm tự vị*, giải thích từ "Minh Hương" như sau: "Minh Hương: người làng Minh, chính là con cháu người Khách lấy vợ người An-nam mà đẻ ra" (Huỳnh-Tĩnh Plus Cửa, 1896, Tome II: 36). Khi người Pháp chiếm Nam Kỳ và bắt đầu công cuộc khai thác thuộc địa đã cho nhiều lao động người Hoa nhập cư vào Nam Bộ và đó là Hoa kiều. Trong các tài liệu thống kê dân số của chính quyền thuộc địa đều phân biệt rõ những người nhập cư trước đó là "người Minh Hương" và người Trung Hoa nhập cư sau năm 1862 là Hoa kiều. Ở Nam Bộ, với những người mang hai dòng máu Hoa - Khmer đôi khi chỉ được gọi theo cách giải thích "người Hoa lai Khmer"⁽⁴⁾. Hôn nhân Hoa - Khmer phổ biến tại các địa phương (Sóc Trăng, Bạc Liêu, Kiên Giang) có sự cư trú tiếp xúc, xen kẽ giữa người Hoa và người Khmer. Theo Baurac (1894: 74): "Những cuộc

hôn nhân giữa người Hoa và người Khmer cho ra đời những đứa con lai rất xinh đẹp, trong đó đáng chú ý nhất là phụ nữ”.

Trước năm 1975, ở miền Nam người Minh Hương đều được nhận quốc tịch Việt Nam. Điều 126 của Dự số 10 ngày 7/12/1955 (do Phủ Tổng thống ban hành) ghi: “Dự này sẽ đăng trong Công báo Việt Nam Cộng hòa và được thi hành như quốc luật” (Công báo Việt Nam Cộng hòa, 1955: 161, 171). Điều 15 (Thiên thứ nhất, chương thứ nhất) quy định “Người Minh Hương sinh đẻ sau ngày công bố bộ luật này là người Việt Nam và không có quyền từ khước Việt tịch” (Công báo Việt Nam Cộng hòa, 1955: 163). Về tộc danh, người Minh Hương được gọi là “người Việt gốc Hoa”.

Sau 1975, văn bản hành chính thống nhất gọi cộng đồng tộc người này là “người Hoa”. Theo Ủy ban Dân tộc và Tổng cục Thống kê (2020: 9) người

Hoa còn có các tên gọi khác là Triều Châu, Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây, Hải Nam, Hạ, Xạ Phạng, Xia Phóng, Thăng Nhảm, Minh Hương, Hẹ, Sang Phang.

3.2. Việc xác định tộc danh của con trong hôn nhân của người Hoa với người ngoại tộc

Trong cộng đồng người Hoa ở Nam Bộ, hôn nhân ngoại tộc chủ yếu là nam giới người Hoa kết hôn với phụ nữ người Kinh, người Khmer hoặc các tộc người khác (rất ít phụ nữ Hoa lấy chồng khác tộc người). Xã hội người Hoa là xã hội phụ hệ, phụ quyền, vì vậy con cái theo huyết thống cha, mang họ cha và mang tộc danh của cha - tức là tộc danh Hoa. Điều này phù hợp với truyền thống gia đình và dòng họ của người Kinh (nếu kết hôn với phụ nữ Việt) và không mâu thuẫn với truyền thống gia đình của người Khmer mà hệ thống thân tộc về mặt lý thuyết đã chuyển sang phụ hệ

Bảng 2. Ý kiến của người trả lời về tộc danh của con cái khi cha/mẹ không cùng tộc người chia theo cộng đồng, tộc danh và giới tính của người trả lời

Tộc danh của con theo tộc danh ai?	A. Trong cộng đồng người Hoa (140 hộ)			B. Toàn cuộc khảo sát (695 hộ) - NTL là người Hoa			C. Trong cộng đồng người Hoa (140 hộ) - NTL là người Hoa			
	Giới tính NTL			Giới tính NTL			Giới tính NTL			
	Nam	Nữ	TC	Nam	Nữ	TC	Nam	Nữ	TC	
Tộc danh cha (%)	84,13	74,03	78,57	83,87	66,67	77,23	84,21	68,57	78,26	
Tộc danh mẹ (%)	0	3,9	2,14	1,61	7,69	3,96	0,00	8,57	3,26	
Tộc danh nào cũng được (%)	15,87	20,78	18,57	14,52	23,08	17,82	15,79	20,00	17,39	
Ý khác	0	1,3	0,71	0	2,56	0,99	0,00	2,86	1,09	
Tổng Cộng	63	77	140	62	39	101	57	35	92	92
	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100

Nguồn: Võ Công Nguyễn, 2019.

(Schock J.L. và Others, 1966: 1068). Tuy nhiên, trong khoảng 50 năm trở lại đây do có sự thay đổi tộc danh trong cộng đồng người Hoa khi thay đổi hộ khẩu, khi lập hộ mới (cùng với việc lập hộ khẩu mới)... Đây cũng được xem là một trong những lý do giải thích cho việc sụt giảm dân số người Hoa qua số liệu thống kê của Tổng điều tra dân số năm 2009 và 2019, so với năm 1999⁽⁵⁾. Như vậy, tộc danh của con cái trong các gia đình có hôn nhân khác tộc người trong cộng đồng người Hoa như thế nào?

Kết quả khảo sát (101 người Hoa: 62 nam và 39 nữ) của đề tài *Quan hệ hôn nhân, gia đình và thân tộc của các cộng đồng cư dân đa tộc người ở Nam Bộ* thì có đến 77,23% (78 người) trả lời là “theo tộc danh cha”, 17,82% (18 người) trả lời “theo tộc danh nào cũng được” và 3,96% (4 người) trả lời là “theo tộc danh mẹ”. Trường hợp trả lời theo tộc danh mẹ, có thể là người Hoa và có thể là tộc danh khác. Nhưng nếu chỉ lọc ra 140 hộ trong cộng đồng người Hoa (trong địa bàn cư trú chủ yếu là người Hoa) thì ý kiến “theo tộc danh cha” chiếm tỷ lệ cao hơn. Trong 140 hộ này, 92 trường hợp người trả lời là người Hoa (57 nam và 35 nữ) thì có đến 78,26% trả lời là “theo tộc danh cha” – tức là tộc danh Hoa, 17,39% (16 người: 9 nam, 7 nữ) trả lời “theo tộc danh nào cũng được” và chỉ có 3,26% (3 người - đều là nữ) trả lời là “theo tộc danh mẹ” – tức là theo tộc danh Hoa.

Ở trên là ý kiến của người trả lời và trong 140 hộ thuộc cộng đồng người Hoa, vậy tộc danh của con cái của các cặp vợ chồng có vợ hoặc chồng là người Hoa kết hôn với người khác tộc người được xác định như thế nào hay mức độ phù hợp của các ý kiến trên đến đâu so với thực tế?

Để trả lời cho câu hỏi này, trước hết cần tìm hiểu về cơ cấu dân cư trong các hộ có hôn nhân khác tộc người trong cộng đồng người Hoa, trong đó có ít nhất một cặp vợ chồng có vợ/chồng (là người Hoa) kết hôn với người khác tộc người. Trong 140 hộ người Hoa có hôn nhân khác tộc người, với tổng số nhân khẩu là 674 người, gồm 419 người có tộc danh là “Hoa” (chiếm 62,17%), 178 người có tộc danh là “Việt” (26,41%) và 77 người có tộc danh là “Khmer” (11,42%). Ở Nam Bộ, người Hoa sống gần gũi và thường xuyên tiếp xúc với người Kinh và người Khmer.

Trong 140 hộ khảo sát có 3 hộ (2,14%) có số thành viên là người Hoa, người Kinh và người Khmer, 97 hộ (69,29%) có số thành viên là Hoa và Kinh, 39 hộ (27,86%) có số thành viên là Hoa và Khmer. Có 1 hộ mà các thành viên đều là người Hoa, tuy nhiên, chủ hộ này là nam, đã ly hôn với vợ là người Kinh (được xếp vào hộ gia đình Hoa - Kinh) và các con chưa lập gia đình, sống với cha, mang tộc danh theo cha. Trong 670 người có thông tin về tộc danh của cha/mẹ, có 50,45% (340 người) có cha mẹ cùng tộc người và 48,96% (330 người) có cha mẹ khác

tộc người - dân số của những hộ này, có cả con dâu, con rể và các thành viên khác không phải là người Hoa (xem Bảng 3).

Trong 330 trường hợp có cha mẹ khác tộc người (1 trường hợp thiếu thông tin) có 248 người mang tộc danh "Hoa", 50 người mang tộc danh "Việt" và 31 người mang tộc danh "Khmer". Với 248 người mang tộc danh Hoa thì có đến 95,16% (236 người) theo tộc danh của cha và chỉ có 4,84% (12 người) theo tộc danh của mẹ (so sánh cho thấy có sự khác biệt giữa Bảng 2 và Bảng 3). Thực tế, trong cộng đồng người Hoa, số người có cha mẹ khác tộc người thì có đến 93,62% theo tộc danh cha trong khi ý kiến của người trả lời chỉ chiếm có 78,57% (cột A, Bảng 2), ngay cả khi

người trả lời là người Hoa (kể cả trường hợp hộ cư trú trong cộng đồng Khmer hay cộng đồng khác) thì tỷ lệ này cũng chỉ chiếm có 78,26% (cột C, bảng 2). Đối với người có tộc danh Hoa thì số người theo tộc danh cha chiếm đến 95,16% (Bảng 3). Sự khác biệt giữa thực tế và ý kiến của người trả lời trong việc chọn tộc danh của con khi cha mẹ không cùng tộc người nằm ở chỗ, khi người trả lời cho biết là "theo tộc danh nào cũng được", thì trong thực tế có xu hướng lấy theo tộc danh của cha.

Như vậy, việc chọn tộc danh cho con trong các hộ có hôn nhân khác tộc người trong người Hoa, chủ yếu theo tộc danh của cha và như trình bày ở trên, phần lớn hôn nhân Hoa - Việt, Hoa - Khmer thì người chồng là người

Bảng 3. Cha mẹ khác tộc người và con cái theo tộc danh ai?

		Dân tộc của thành viên hộ			Tổng cộng
		Hoa	Kinh	Khmer	
1. Cha mẹ có cùng tộc người không?					
Cùng tộc người (%)		40,53	71,59	58,44	50,75
Khác tộc người	Số người	248	50	32	330
	%	59,47	28,41	41,56	49,25
Tổng cộng	Số người	417	176	77	670
	%	100	100	100	100
2. Cha mẹ khác tộc người, con theo tộc danh ai?					
Theo tộc danh cha	Số người	236	42	30	308
	%	95,16	84,00	96,77	93,62
Theo tộc danh mẹ	Số người	12	8	1	21
	%	4,84	16,00	3,23	6,38
Tổng cộng	Số người	248	50	31	329
	%	100	100	100	100

Ghi chú: Có 4 trường hợp thiếu thông tin.

Nguồn: Võ Công Nguyễn, 2019.

Hoa, nghĩa là theo tộc danh Hoa. Dù mang tộc danh Hoa hay Việt, hay Khmer, những người có cha mẹ khác tộc người trong cộng đồng người Hoa vẫn ý thức còn mang “dòng máu” của mẹ là Việt hay Khmer.

4. LOẠI HÌNH GIA ĐÌNH - QUY MÔ HỘ, TRONG GIA ĐÌNH NGƯỜI HOA ĐA VĂN HÓA

Trong bài viết này, chúng tôi phân loại gia đình như sau:

- *Gia đình hạt nhân*: là những gia đình có vợ chồng và các con còn độc thân cùng sống chung; các gia đình chưa có con hoặc các gia đình khuyết vợ, khuyết chồng cũng thuộc vào loại hình gia đình hạt nhân.

- *Đại gia đình hay gia đình ghép chung*: là những gia đình gồm nhiều cặp vợ chồng, hay có từ hai gia đình hạt nhân trở lên cùng sống chung dưới một mái nhà, không lệ thuộc vào số thành viên nhiều hay ít.

- *Gia đình mở rộng*: là những gia đình gồm một gia đình hạt nhân thêm một hoặc nhiều thành viên khác nhưng những thành viên khác này không cấu

thành một gia đình hạt nhân.

- *Hộ không cấu thành gia đình hạt nhân*: là những hộ có các thành viên không có quan hệ sinh thành và không có quan hệ vợ chồng, như anh em không có vợ chồng cùng sống một nhà...

Trong 140 hộ người Hoa có hôn nhân ngoại tộc, tạo nên những gia đình đa văn hóa trong cộng đồng người Hoa, phổ biến là loại hình gia đình hạt nhân (51,43%), kế đó là loại hình gia đình ghép chung hay đại gia đình (34,29%) và cuối cùng gia đình mở rộng. Trên tổng thể, so sánh với các cộng đồng tộc người thiểu số khác ở Nam Bộ (Khmer, Chăm và các tộc người thiểu số tại chỗ ở Đông Nam Bộ gồm người Chơ Ro, Mnông, Mạ và Stiêng) thì không có khác biệt đáng kể về loại hình gia đình trong các tộc người thiểu số ở Nam Bộ⁽⁶⁾. Gia đình hạt nhân chiếm ưu thế ở tất cả tộc người được khảo sát, tuy nhiên, trong cộng đồng người Hoa vẫn có loại hình gia đình ghép chung cao hơn, kế đó là ở người Chăm (Bảng 4). Người Hoa và người Kinh vốn “đề cao” loại hình gia

Bảng 4. Loại hình gia đình trong các tộc người thiểu số ở Nam Bộ

	Khmer	Chăm	Hoa	Các dân tộc thiểu số ở Đông Nam Bộ	Tổng cộng	
Gia đình hạt nhân (%)	63,57	55,56	51,43	64,64	60,00	
Gia đình ghép chung (%)	27,86	31,11	34,29	26,79	29,35	
Gia đình mở rộng (%)	8,57	13,33	14,28	8,21	10,50	
Hộ không cấu thành gia đình hạt nhân (%)	0,00	0,00	0,00	0,36	0,15	
Tổng cộng	Hộ	140	135	140	280	695
	%	100	100	100	100	100

Nguồn: Võ Công Nguyễn, 2019.

đình ghép chung (đại gia đình), họ từng cho rằng con đồng là nhà có phúc và người chủ gia đình là người đàn ông cao tuổi nhất. Con trai sau khi lập gia đình thường ở chung với cha mẹ khá lâu. Trong 140 hộ người Hoa đa văn hóa, số người đã lập gia đình là 377 người, nhưng số người chưa ra ở riêng và không ra ở riêng chiếm đến 66,05% (trong khi khảo sát 695 hộ với 1.819 người đã lập gia đình, thì số người chưa và không ra ở riêng chỉ chiếm 54,37%).

Loại hình gia đình hạt nhân chiếm ưu thế nên số thế hệ trong các hộ khảo sát với 2 thế hệ là phổ biến, chiếm 57,86% số hộ khảo sát (81 hộ). Trong loại hình gia đình hạt nhân có 8 trường hợp chỉ có hai vợ chồng mà chưa/không có con sống chung. Ngoài ra 1 trường hợp là gia đình hạt nhân khuyết chồng và 2 trường hợp là gia đình hạt nhân khuyết vợ. Đại gia đình 4 thế hệ (tứ đại đồng đường) thật hiếm hoi, chỉ có 1 trường hợp và gồm 7 thành viên. Chủ hộ của đại gia đình 4 thế hệ này là cụ bà 86 tuổi, có 3 người con (2 gái và 1 trai nhưng chỉ

có 1 người con gái đã lập gia đình và đã góa chồng) sống chung và có 1 người cháu ngoại gái lấy chồng là người Kinh đang ở rể nhà vợ. Chất của bà chủ hộ theo tộc danh cha, tức là tộc danh Kinh.

Số nhân khẩu trung bình trong hộ của người Hoa trong cả nước năm 2019 là 4 người/hộ (Ủy ban Dân tộc và Tổng cục Thống kê, 2020: 9). Số nhân khẩu trung bình của 140 hộ người Hoa đa văn hóa được khảo sát là 4,8 người/hộ nhưng quy mô hộ phổ biến nhất là 4 người/hộ (mode=4, chiếm 28,63%).

5. NGÔN NGỮ THƯỜNG DÙNG TRONG GIA ĐÌNH NGƯỜI HOA ĐA VĂN HÓA

Do sinh kế của đa số người Hoa là buôn bán và cư trú xen kẽ với người Kinh, người Khmer nên người Hoa nói thông thạo tiếng phổ thông (tiếng Việt) và tiếng Khmer tại một số tỉnh ở Tây Nam Bộ (Sóc Trăng, Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu...).

Số liệu khảo sát cho thấy tiếng thường dùng trong gia đình của người Hoa có hôn nhân với người khác tộc

Bảng 5. Ngôn ngữ thường dùng trong gia đình của hộ người Hoa chia theo cơ cấu tộc người bên trong hộ

	Cơ cấu tộc người bên trong hộ				
	Hoa - Kinh - Khmer	Hoa - Kinh	Hoa - Khmer	Tổng cộng	
Tiếng Việt (%)	0,00	65,31	35,90	55,71	
Tiếng Hoa (%)	66,67	11,22	35,90	19,29	
Kết hợp ngôn ngữ Việt - Hoa	33,33	23,47	28,21	25,00	
Tổng cộng	Hộ	3	98	39	140
	%	100	100	100	100

Nguồn: Võ Công Nguyễn, 2019.

là tiếng Hoa hoặc tiếng Việt (tiếng phổ thông) hoặc “kết hợp” tiếng Hoa và tiếng Việt. Trường hợp “kết hợp” tiếng Hoa và tiếng Việt khi người vợ là người Kinh hay người Khmer nghe hiểu tiếng Hoa nhưng chưa nói tốt hoặc ngược lại, thành viên của hộ là người Hoa có thể nghe và hiểu tiếng Việt nhưng nói chưa tốt. Thành viên trong gia đình này có thể thông tin, trao đổi với nhau bằng tiếng Hoa và tiếng Việt mà vẫn hiểu nhau. Kết quả này không loại trừ đó là gia đình có thành viên hộ gồm người Hoa và người Khmer. Trường hợp này tiếng Việt với vai trò là ngôn ngữ phổ thông cũng được sử dụng làm ngôn ngữ chính của gia đình. Trong các hộ có cơ cấu tộc người là Hoa - Kinh (98 hộ, chiếm 70% số hộ khảo sát) thì tiếng phổ thông được sử dụng phổ biến nhất (65,31%), số hộ kết hợp cả hai ngôn ngữ Kinh và Hoa chiếm 23,47% trong khi số hộ thường dùng tiếng Hoa chỉ chiếm có 11,22%.

Các hộ có cơ cấu tộc người bên trong là Hoa - Khmer (39 hộ, 27,86% số hộ khảo sát) thì tiếng Việt, tiếng Hoa có tỷ lệ ngang bằng nhau, đều chiếm 35,9% số hộ này. Trường hợp các hộ có cơ cấu tộc người Hoa - Khmer thì số hộ sử dụng kết hợp tiếng Việt - tiếng Hoa (mà không kết hợp tiếng Hoa với tiếng Khmer) chiếm 28,21%. Tính phổ thông của tiếng Việt cũng như khả năng sử dụng tiếng Việt của người Hoa và người Khmer đều tốt là lý do giải thích cho hiện tượng này. Tiếng Việt được sử dụng trong những

gia đình Hoa - Khmer càng làm nổi rõ hơn tính đa văn hóa của các gia đình người Hoa có hôn nhân khác tộc người. Với 55,71% số hộ Hoa đa văn hóa sử dụng tiếng Việt trong gia đình và 25% số hộ kết hợp tiếng Việt và tiếng Hoa, cho thấy cộng đồng người Hoa nói chung và nhất là trong bộ phận dân cư mang hai dòng máu Hoa - Kinh, Hoa - Khmer chịu ảnh hưởng của văn hóa Việt.

6. PHONG TỤC TRONG GIA ĐÌNH – SỰ DUNG HÒA PHONG TỤC CẢ PHÍA CHA LẮN PHÍA MẸ

Trong gia đình người Hoa có hôn nhân ngoại tộc việc duy trì những nét văn hóa của cả bên chồng lẫn bên vợ ở những mức độ khác nhau tùy thuộc vào tỷ lệ tập trung của dân số người Hoa tại một khu vực cư trú. Người Hoa cư trú đông nhất ở Nam Bộ, hầu hết làm nghề buôn bán, chế biến nông sản, sống xen kẽ với người Kinh, người Khmer, nhiều phụ nữ người Kinh, người Khmer lấy chồng là người Hoa, đó là lý do ngôn ngữ, phong tục tập quán của người Kinh, người Khmer ảnh hưởng đến cộng đồng người Hoa. Mặt khác, người Hoa ở Nam Bộ cũng không thuần nhất về nguồn gốc địa phương, ngôn ngữ và phong tục tập quán⁽⁷⁾.

Trong gia đình, việc thờ cúng các vị thần “bảo hộ cho gia đình”, các phong tục liên quan đến nghi lễ vòng đời người, đến chu kỳ thời gian (một năm), đến hoạt động sản xuất (cúng tổ nghề,...) là một bộ phận quan trọng của văn hóa gia đình. Trong phong tục

tập quán có thể có một số phong tục được dung hòa, đặc biệt trong gia đình Hoa - Kinh, do ảnh hưởng lâu đời giữa văn hóa Việt và văn hóa Hoa.

Chúng ta dễ dàng nhận thấy văn hóa Hoa trong các gia đình đa văn hóa ở Nam Bộ. Đó là nhà người Hoa - kể cả nhà của người Hoa có hôn nhân khác tộc người - dán nhiều câu cầu phúc màu hồng hoặc đỏ: vào dịp Tết Nguyên đán ở trước nhà và trên bàn thờ, thờ nhiều vị thần với nhiều trang thờ từ cửa nhà cho đến nhà bếp, kể cả tượng thờ - điều ít thấy trong gia đình thuần Việt và thuần Khmer. Tục đốt vàng mã, đồ mã^(B) rất phổ biến và đã ảnh hưởng đến phong tục của người Kinh. Các lễ theo chu kỳ thời gian trong năm được tổ chức trong gia đình người Hoa nhiều hơn người Kinh Song, hiện nay có nhiều lễ riêng trong cộng đồng người Hoa không còn phổ biến, như lễ "Hàn thực" (mùng ba tháng ba âm lịch), lễ "Song thất" (mùng bảy tháng bảy âm lịch), lễ "Trùng cửu" (mùng chín tháng chín âm lịch), lễ "Song thập" (mùng mười tháng mười âm lịch)...

Tuy nhiên, những phong tục có nét đặc trưng của văn hóa Hoa nêu trên không phải hoàn toàn lẩn át yếu tố văn hóa Việt, Khmer trong gia đình Hoa - Kinh, Hoa - Khmer. Kết quả khảo sát 140 hộ được khảo sát, có 78,57% (110 hộ) có tổ chức các nghi lễ theo phong tục của người Kinh, đồng thời có 82,86% (116 hộ) vẫn tổ chức các nghi lễ theo phong tục của người Hoa. Tương tự, có 77,86%

(109 hộ) thường đưa con cái về dự các lễ theo phong tục phía bên nội cũng như bên ngoại; 94,29% (132 hộ) cho biết đều "cho phép con cháu dự các lễ cộng đồng của dân tộc bên cha cũng như bên mẹ"... Những lễ cộng đồng thường tham dự như cúng đình (trong cộng đồng người Kinh), đi chùa và "bổ thí" thực phẩm cho các sư sãi Khmer khi họ đi khát thực, tham dự lễ vía Ông Bồn, Bà Thiên Hậu, trong cộng đồng người Hoa... Như vậy, không phải chỉ giữ phong tục trong gia đình của cả phía bên chồng lẫn bên vợ mà những gia đình này còn tạo điều kiện để con cháu mình tham gia các phong tục có tính cộng đồng của tộc người mình hay tộc người của vợ hay chồng. Nói cách khác, trong gia đình người Hoa có kết hôn với người Kinh hoặc người Khmer, con cái của họ vẫn tham dự các lễ cộng đồng của người Kinh hoặc người Khmer. Trong 319 trường hợp kết hôn với người khác tộc trong 140 hộ có thông tin về lễ cưới của họ thì có 38,24% (59 nam và 63 nữ) trường hợp có kết hợp, dung hòa phong tục của hai bên. Được hỏi "Từ khi kết hôn với bác trai đến giờ thì có khi nào bác lên Sài Gòn thăm họ hàng bên chồng không?" một bà cụ người Kinh (80 tuổi, chồng là người Hoa, 90 tuổi đã qua đời) cho biết "Có, mấy người đó có lên mà bên này cũng có lên xuống, [...] giờ mấy đứa nhỏ đi thôi, còn tui đi đường xá tui không có biết đường...". Bà cũng cho biết "Hôn lễ thì như hồi xưa khi cưới tui thì có trầu cau, rượu, trà với heo quay theo người Hoa vậy thôi [...], rồi cưới có

cho bông vàng và cho vải may quần áo. [...] Bây giờ ở đây thì Hoa hay Việt gì cũng làm (lễ cưới) như nhau” (PVS bà HTX, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai). Một cộng tác viên ở xã Vĩnh Hải (huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng) cho biết, bà nội của anh là người Khmer về làm dâu bên nhà chồng là người Hoa, khi bà mất, tang lễ cũng có mời sư sãi đến đọc kinh và bà cũng được thiêu theo phong tục người Khmer.

Về trang phục, không còn khác biệt trong trang phục của nam giới người Hoa với nam giới các dân tộc khác, nhưng trang phục của phụ nữ vẫn còn một số khác biệt nhất định: trong các gia đình Hoa - Khmer ở Sóc Trăng, Trà Vinh, Bạc Liêu... phụ nữ Khmer vẫn thường mặc trang phục truyền thống của mình nhất là chiếc váy, đặc biệt trong các dịp lễ. Về ẩm thực, đòn bánh tét – một lễ vật truyền thống của người Kinh và người Khmer⁽⁹⁾ – cũng đã hiện diện vào các dịp lễ trong gia đình Hoa - Kinh, Hoa - Khmer. Những thông tin trên đã minh chứng cho quá trình hội nhập của người Hoa vào xã hội Việt Nam và gia đình đa văn hóa “Hoa - Kinh” hay “Hoa - Khmer” đã góp phần không nhỏ vào quá trình này.

CHÚ THÍCH

(1) “Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản kỷ quyển 5, Trần Thánh Tông, Giáp Tuất Bảo Phù năm đầu tháng 10 chép: [...] thời Nam Tống, năm Hàn Thuận thứ 9 (1273), đương lúc nhà Tống nguy ngập, thần dân nhà Tống không chịu nổi sự đàn áp của quân Nguyên, nên có một số lớn ở Giang Nam, đã dùng 30 chiếc thuyền vượt biển sang Nam, vào cửa La Kết. Vua Trần Thánh Tông cho họ cư trú tại phố Hàng Bè Thăng Long. Họ tự xưng là dân Hồi Cáy; để sinh nhai, họ bán các thứ vải thời Tống và các vị thuốc Bắc” (trích lại theo Tân Việt Điển, 1961, số 61, tr. 548).

7. KẾT LUẬN

Hôn nhân ngoại tộc giữa người Hoa với các tộc người cư trú lân cận ở Nam Bộ đã trở nên phổ biến, mặc dù tỷ lệ không tương đồng giữa các địa bàn khảo sát. Gần 70% dân số người Hoa cư trú ở khu vực đô thị (Ủy ban Dân tộc và Tổng cục Thống kê, 2020: 9) và hôn nhân khác tộc người ở đô thị có phần thuận lợi hơn so với nông thôn. Hôn nhân giữa người Hoa với vợ/chồng là người khác tộc người được ghi nhận phần lớn bắt nguồn từ tình cảm, được “tự do tìm hiểu” trước khi tiến tới hôn nhân. Trong những hộ có hôn nhân khác tộc người trong cộng đồng người Hoa ở Nam Bộ, dung hòa nhiều yếu tố văn hóa tộc người của các thành viên hộ tạo nên những gia đình đa văn hóa. Trong đó, ngôn ngữ thường dùng trong gia đình là tiếng Việt hoặc tiếng Hoa hoặc kết hợp giữa hai ngôn ngữ vừa nêu, kể cả trường hợp là gia đình “Hoa - Khmer”. Phong tục trong gia đình cũng được dung hòa giữa bên chồng và bên vợ. Ở phạm vi cộng đồng, các thành viên của hộ cũng tham gia các sự kiện chung của cộng đồng bên chồng hay bên vợ. □

⁽²⁾ *Đại Nam thực lục – Chính biên*, có ghi một chỉ dụ của Gia Long về người Hoa như sau: "Tháng sáu năm Canh Ngọ (1810), vua Gia Long ban chiếu bỏ thuế vật ở Hà Tiên [...]. Thuế thân, thuế thuyền chưa có định ngạch cũng đều miễn cả. Duy có dân tịch thi đặng ở Hộ bộ để biết rõ số dân thôi" (Quốc sử quán Triều Nguyễn, 1962, tập 4, tr. 77).

⁽³⁾ Trong hộ gia đình người Hoa ở TPHCM, chủ hộ thường là người lớn tuổi nhất trong hộ nên số chủ hộ góa vợ, góa chồng là khá nhiều.

⁽⁴⁾ Trong dân gian ở Nam Bộ, người Minh Hương, người mang hai dòng máu Hoa - Khmer và người Trung Hoa thường được gọi lẫn lộn là người Tàu, người "Khách trú", "Chệt" (thường để chỉ nam giới lớn tuổi), "xăm" (thường để chỉ nữ giới lớn tuổi) tùy vào ngữ cảnh của câu chuyện.

Theo chúng tôi, danh xưng "Chệt" do người Kinh gọi trại của từ xưng hô "axít" có nghĩa là "chú" theo phát âm của người Triều Châu, tiếng Quảng Đông là "axut", để chỉ nam giới trung niên hoặc người tương đối lớn tuổi và cũng có phần thân thiết; từ "Xăm" do người Kinh gọi trại của từ xưng hô "axăm" theo phát âm của người Quảng Đông hoặc "axim" theo tiếng Triều Châu có nghĩa là "thím" để chỉ nữ giới trung niên hoặc tương đối lớn tuổi và cũng có phần thân thiết.

⁽⁵⁾ Dân số người Hoa qua các cuộc Tổng điều tra dân số năm 1999, 2009 và 2019 như sau: năm 1999 là 862.371 người, nam: 433.676 người, nữ: 428.695 người; năm 2009 là 823.071 người, nam: 421.883 người, nữ: 401.188 người; năm 2019 là 749.466 người, nam: 389.651 người, nữ: 359.815 người.

⁽⁶⁾ Kiểm định Chi-Square tương quan giữa biến phụ thuộc là "loại hình gia đình" và biến độc lập là "cộng đồng tộc người", cho hệ số Pearson với giá trị value=11.813, bậc tự do df=9 và hệ số tương quan Asymp. Sig. (2-sided) là 0,224.

⁽⁷⁾ Người Hoa ở Nam Bộ gồm 5 nhóm ngôn ngữ, xếp theo dân số từ đông nhất đến ít nhất là người: Quảng Đông, Triều Châu, Phúc Kiến, Hẹ (Hakka) và Hải Nam. Mỗi nhóm có tiếng nói riêng (mặc dù cùng dùng chữ viết là Hán tự), có ưu thế kinh tế riêng, lưu giữ một số nét phong tục tập quán riêng.

⁽⁸⁾ Hàng mã, đồ mã ở Nam Bộ chủ yếu do người Hoa làm và có thể coi là một ngành tiểu thủ công nghiệp rất phát triển.

⁽⁹⁾ Người Khmer thường gói bánh tét để cúng vào dịp lễ Đolta (lễ cúng Ông Bà).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Baurac, J.C. 1894. *La Cochinchine et ses habitants (Provinces de L'Ouest)*. Saigon: Imprimerie Commercial Rey, Cauroil & C^{ei}.
2. Bùi Ngọc Thanh. 2006. *Người Hoa trong cộng đồng các dân tộc ở Đồng Nai*. Đề tài khoa học - Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai chủ trì.
3. *Công báo Việt Nam Cộng hòa*. 1955, số 8 năm thứ nhất, ngày 8 tháng chạp năm 1955, tr. 161-171.
4. Đào Trinh Nhất. 1924. *Thế lực Khách trú và vấn đề di dân vào Nam Kỳ*. Hà Nội: Nhà in Thụy Ký.
5. Huỳnh-Tĩnh Plus Cửa. 1896. Tome II: 36 (*Đại Nam quốc âm tự vị*).
6. Maw Kuey Tsai. 1968. *Người Hoa ở miền Nam Việt Nam*. Paris: Thư viện Quốc gia.

7. Nam Xuân Thọ. 1957. *Phan Thanh Giản (1796-1867)* (in lần thứ hai). Sài Gòn: Tân Việt xuất bản.
8. Nguyễn Thế Anh. 1968. *Kinh tế và xã hội Việt Nam dưới thời các vua triều Nguyễn*. Sài Gòn: Nxb. Trình bày.
9. Phan Văn Dốp. 2012. “Quá trình nhập cư và hội nhập của người Hoa ở Nam Bộ”. *Tạp chí Khoa học Xã hội TP HCM*, số 1 (161)-2012, tr. 36-45.
10. Quốc sử quán Triều Nguyễn. 1962. *Đại Nam thực lục tiền biên* - Tập 1 (bản dịch của Viện Sử học). Hà Nội: Nxb. Sử học.
11. Quốc sử quán Triều Nguyễn. 1995. *Đại Nam liệt truyện - Tiền biên* (bản dịch Cao Tự Thanh, quyển 6). Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
12. Quốc sử quán Triều Nguyễn. 2006. *Đại Nam liệt truyện – Chính biên* (bản dịch của Đỗ Mạnh Khương, quyển 11, tái bản lần thứ hai). Huế: Viện Sử học - Nxb. Thuận Hóa.
13. Schrock, Joan L. and Others. 1966. *Minority Groups in the Republic of Vietnam*. US Army.
14. Tân Việt Điều. 1961. “Lịch sử người Hoa kiều tại Việt Nam”. *Văn hóa Nguyệt san*, số 61, tr. 547-561; số 62, tr. 704-721; số 65, tr. 1211-1222.
15. Thích Đại Sán. 1963. *Hải ngoại kỷ sự, sử liệu nước Đại Việt thế kỷ 17*. Ủy ban Phiên dịch Sử liệu Việt Nam dịch và xuất bản. Huế.
16. Trần Kinh Hòa. 1958. “Họ Mạc và chúa Nguyễn ở Hà Tiên”. *Tạp chí Văn hóa Á Châu*, số 7 tháng 10/1958, tr. 30-38.
17. Trần Kinh Hòa. 1961. “Thành trì chí của Trịnh Hoài Đức Hoa kiều và Nam Kỳ đầu thế kỷ 19”. *Tạp chí Đại học*, Viện Đại học Huế, số 5, tr. 62-74; số 6, tr. 38-62.
18. Trần Kinh Hòa. 1962. “Thành trì chí của Trịnh Hoài Đức Hoa kiều và Nam Kỳ đầu thế kỷ 19”. *Tạp chí Đại học*, Viện Đại học Huế, số 1, tr. 134-163.
19. Ủy ban Dân tộc - Tổng cục Thống kê. 2020. *Đặc trưng cơ bản của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
20. Võ Công Nguyên. 2016. *Nghiên cứu tổng thể vấn đề dân tộc đối với việc phát triển bền vững miền Tây Nam Bộ*. Đề tài khoa học, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ chủ trì.
21. Võ Công Nguyên. Năm 2006. *Xây dựng lực lượng chính trị của Đảng trong các dân tộc thiểu số ở TP HCM: Thực trạng và giải pháp*. Đề tài khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ TP HCM chủ trì.
22. Võ Công Nguyên. Năm 2019. *Quan hệ hôn nhân, gia đình và thân tộc của các cộng đồng cư dân đa tộc người ở Nam Bộ*. Đề tài khoa học, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ chủ trì.
23. Võ Văn Sen. 2013. *Nghiên cứu tổng hợp điều kiện tự nhiên, xã hội và giá trị lịch sử - văn hóa phục vụ phát triển bền vững khu vực Thoại Sơn tỉnh An Giang*. Đề tài khoa học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và nhân văn TP HCM chủ trì.